

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị Viễn H, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp An T, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đỗ Thanh H, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp An T, xã An B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Viễn H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1999, chị Bùi Thị Viễn H và anh Đỗ Thanh H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con tên Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002. Từ năm 2010, chị và anh bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, anh H thường xuyên ăn chơi, chị khuyên can nhiều lần nhưng không nghe, anh H không chăm lo cuộc sống chung giữa vợ chồng, anh H thường xuyên đánh đập chị và con, chị sợ quá nên không dám báo với chính quyền địa phương, mà chỉ âm thầm chịu đựng, chị thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa do đã bị đánh đập nhiều lần nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị Bùi Thị Viên H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên chị xin ly hôn với anh Đỗ Thanh H.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đỗ Thanh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 03 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng, tuy có tranh cãi, có mâu thuẫn nhưng chỉ là những tranh cãi nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn yêu thương vợ và con, muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Chị Bùi Thị Viên H xin ly hôn, anh không thống nhất ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002, anh không thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Bùi Thị Viên H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Bùi Thị Viên H và anh Đỗ Thanh H đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị Viên H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng trong quá trình thụ lý, giải quyết, thì anh Đỗ Thanh H có tranh chấp về nuôi con, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Bùi Thị Viên H và anh Đỗ Thanh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Từ năm 1999 cho đến nay, chị Bùi Thị Viên H và anh Đỗ Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì

không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Viên H với anh Đỗ Thanh H.

[6] *Về nuôi con chung*: Có 01 người con chung tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002, chị H xin được nuôi dưỡng, còn anh H cũng xin nuôi dưỡng, xét thấy: Cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị H được quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao Cháu N cho chị H nuôi dưỡng.

[7] *Về cấp dưỡng*: Chị Bùi Thị Viên H không yêu cầu anh Đỗ Thanh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Chị Bùi Thị Viên H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[9] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[10] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Bùi Thị Viên H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Đỗ Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiêu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Viễn H với anh Đỗ Thanh H.

Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị Viễn H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con tên Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2002 (Cháu Đỗ Thị Yến N đang sống chung với chị Bùi Thị Viễn H).

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thị Viễn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Viễn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số:0007290 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chị Bùi Thị Viễn H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Anh Đỗ Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Viễn H và anh Đỗ Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung